

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **34** /2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày **15** tháng **11** năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số
được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm
sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu trong thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết Khoản 1 Điều 31 Luật Công nghiệp công nghệ số về các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi về lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi

Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi là sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng đồng thời các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này:

1. Sản phẩm công nghệ số được thiết kế và sở hữu, dịch vụ công nghệ số được sở hữu hoặc được quyền cung cấp bởi một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam quy định tại Thông tư này là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam; và không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư. Trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định mới được ban hành.

b) Cá nhân là người Việt Nam.

2. Có phương án, cam kết về hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, bảo trì, nâng cấp và các dịch vụ hậu mãi.

3. Quy định cụ thể tương ứng với từng loại sản phẩm công nghệ số được hưởng ưu đãi tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này.

Điều 4. Quy định cụ thể đối với sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi

1. Sản phẩm phần cứng được hưởng ưu đãi khi đáp ứng đồng thời quy định tại điểm a và b khoản này:

a) Thiết kế sản phẩm phần cứng (bao gồm đặc tả yêu cầu, kiến trúc hệ thống, thiết kế chi tiết, sơ đồ nguyên lý, bố trí mạch in, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam. Trong đó, quyền sở hữu được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế hoặc mua thiết kế đó từ các chủ thể khác.

b) Nhãn hiệu gắn trên sản phẩm phần cứng phải thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam.

2. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với thiết kế phần cứng nêu tại khoản 1 Điều này bằng một trong những tài liệu sau đây:

a) Bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp của Việt Nam cấp hoặc do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

b) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

c) Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu đối với các đối tượng của

quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với nhãn hiệu nêu tại khoản 1 Điều này bằng một trong các tài liệu sau đây:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp;
- b) Quyết định chấp nhận bảo hộ đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại Việt Nam;
- c) Tài liệu hợp pháp khác chứng minh quyền sở hữu nhãn hiệu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 5. Quy định cụ thể đối với sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi

1. Sản phẩm phần mềm được hưởng ưu đãi khi đáp ứng một trong các quy định sau:

a) Thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm (bao gồm kiến trúc, thiết kế chi tiết, mã nguồn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam. Trong đó, quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế, mã nguồn và sản phẩm phần mềm được thiết lập thông qua việc tự thực hiện việc thiết kế, xây dựng mã nguồn hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế, xây dựng mã nguồn hoặc mua thiết kế, mã nguồn đó từ các chủ thể khác.

b) Thiết kế, phát triển sản phẩm phần mềm (bao gồm kiến trúc, thiết kế chi tiết, mã nguồn và các tài liệu kỹ thuật liên quan) được phát triển dựa trên mã nguồn mở và do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân người Việt Nam sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc được khai thác hoặc sử dụng thiết kế, mã nguồn đó.

2. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam chứng minh quyền sở hữu của mình đối với thiết kế, mã nguồn sản phẩm phần mềm nêu tại khoản 1 Điều này bằng một trong những tài liệu sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan cấp.

b) Tài liệu khác để chứng minh quyền sở hữu, quyền khai thác, quyền sử dụng đối với các đối tượng của quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân là người Việt Nam có sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi

Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân là người Việt Nam có sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi phải:

1. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi như thông tin đã công bố trong suốt quá trình cung cấp sản phẩm được ưu đãi.

2. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hoặc cá nhân là người Việt Nam tự chứng minh việc đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 3 Thông tư này để được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật đấu thầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin cung cấp.

3. Cung cấp và cập nhật thông tin liên quan về sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi trên Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số và trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam, cá nhân là người Việt Nam.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Các hoạt động đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng tiêu chí và được công bố theo quy định tại Thông tư 40/2020/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm đã được phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, trừ trường hợp lựa chọn áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Các cơ quan, tổ chức sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc cập nhật thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được hưởng ưu đãi trên Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số.

4. Cục Công nghiệp công nghệ thông tin (Bộ Khoa học và Công nghệ) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Công nghiệp công nghệ thông tin) để kịp thời giải quyết.

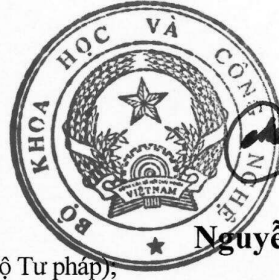


5. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm HC (Bộ Tư pháp);
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, CNCNTT (20b)..

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

CÔNG NGHỆ